



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 3 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm IMV Techno Hà Nội**

Laboratory: **IMV Techno Ha Noi Laboratory**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH IMV Techno Việt Nam**

Organization: **IMV Techno Vietnam Co., LTD**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1284**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ**

Field: **Mechanical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Sugiyama Haruki**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /03/2026 đến ngày /03/2031**

Địa chỉ/ Address: **Nhà máy số 13, tổ hợp nhà máy cho thuê số 2, Lô P-7, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, TP. Hà Nội, Việt Nam**

Factory No. 13, Thang Long Apartment Factory No. 2, Plot P-7, Thang Long Industrial Park, Thien Loc Commune, Hanoi city

Địa điểm/ Location: **Nhà máy số 13, tổ hợp nhà máy cho thuê số 2, Lô P-7, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, TP. Hà Nội, Việt Nam**

Factory No. 13, Thang Long Apartment Factory No. 2, Plot P-7, Thang Long Industrial Park, Thien Loc Commune, Hanoi city

Điện thoại/ Tel: **024 3956 0777**

E-mail: **info@imv-vn.com**

Website: **https://we-are-imv.com/vi/**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1284****Phòng thử nghiệm IMV Techno Hà Nội/***IMV Techno Ha Noi Laboratory*

Lĩnh vực: Cơ

Field: *Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Linh kiện, trang thiết bị điện - điện tử <i>Electrical and electronic components</i> Các chi tiết và sản phẩm cơ khí <i>Mechanical components</i> Các chi tiết, bộ phận trên phương tiện giao thông vận tải <i>Transportation vehicle components</i> Các sản phẩm hàng tiêu dùng <i>Consumer products</i>	Thử nghiệm rung (hình sin) <i>Vibration test (sinusoidal)</i>	Tần số rung/ <i>Vibration frequency</i> : đến/ to 2600 Hz Biên độ dịch chuyển lớn nhất/ <i>Maximum displacement</i> : 76,2 mm peak- peak Gia tốc lớn nhất/ <i>Maximum acceleration</i> : 855 m/s ² Kích cỡ mẫu bàn thử nghiệm/ <i>Dimension of table</i> : (1200 x 1500 x 2100) mm	IEC 60068-2-6:2007 ISO 16750-3:2023
2.		Thử nghiệm rung (ngẫu nhiên băng tần rộng) <i>Vibration test (broadband random)</i>	Tần số rung/ <i>Vibration frequency</i> : đến/ to 2600 Hz Biên độ dịch chuyển lớn nhất/ <i>Maximum displacement</i> : 82 mm peak- peak Gia tốc lớn nhất/ <i>Maximum acceleration</i> : 598 m/s ² Kích cỡ mẫu bàn thử nghiệm/ <i>Dimension of table</i> : (1200 x 1500 x 2100) mm	IEC 60068-2-64:2008 + AMD1:2019 ISO 16750-3:2023
3.		Thử nghiệm xóc <i>Shock test</i>	Biên độ dịch chuyển lớn nhất/ <i>Maximum displacement</i> : 82 mm peak- peak Gia tốc lớn nhất/ <i>Maximum acceleration</i> : 2080 m/s ² peak Kích cỡ mẫu bàn thử nghiệm/ <i>Dimension of table</i> : (1200 x 1500 x 2100) mm	IEC 60068-2-27:2008 ISO 16750-3:2023
4.		Thử nghiệm môi trường nóng khô <i>Dry heat environmental test</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : (30 ~ 180) °C Kích cỡ buồng thử nghiệm/ <i>Dimension of chamber</i> : (1200 x 1200 x 1200) mm	IEC 60068-2-2:2025 ISO 16750-4:2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1284****Phòng thử nghiệm IMV Techno Hà Nội/***IMV Techno Ha Noi Laboratory*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/ range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
5.	Linh kiện, trang thiết bị điện – điện tử <i>Electrical and electronic components</i> Các chi tiết và sản phẩm cơ khí <i>Mechanical components</i> Các chi tiết, bộ phận trên phương tiện giao thông vận tải <i>Transportation vehicle components</i> Các sản phẩm hàng tiêu dùng <i>Consumer products</i>	Thử nghiệm môi trường lạnh <i>Cold enviromental test</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> (-70 ~ +5) °C Kích cỡ buồng thử nghiệm/ <i>Dimension of chamber:</i> (1200 x 1200 x 1200) mm	IEC 60068-2-1:2025 ISO 16750-4:2023
6.		Thử nghiệm thay đổi nhiệt độ <i>Change of temperature test</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> (-70° ~ +180) °C Kích cỡ buồng thử nghiệm/ <i>Dimension of chamber:</i> (1200 x 1200 x 1200) mm	IEC 60068-2-14:2023 ISO 16750-4:2023
7.		Thử nghiệm môi trường nóng ẩm, chu kỳ <i>Damp heat, cyclic enviromental test</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> (-70 ~ +180) °C Độ ẩm/ <i>Humidity:</i> (20 ~ 98) %RH Kích cỡ buồng thử nghiệm/ <i>Dimension of chamber:</i> (1200 x 1200 x 1200) mm	IEC 60068-2-30:2025 IEC 60068-2-38:2021 ISO 16750-4:2023
8.		Thử nghiệm môi trường nóng ẩm, không đổi <i>Damp heat, steady state enviromental test</i>	Nhiệt độ/ <i>Temperature:</i> (-70 ~ +180) °C Độ ẩm/ <i>Humidity:</i> (20 ~ 98) %RH Kích cỡ buồng thử nghiệm/ <i>Dimension of chamber:</i> (1200 x 1200 x 1200) mm	IEC 60068-2-78:2025 ISO 16750-4:2023
9.	Vỏ ngoài của trang thiết bị điện trên phương tiện giao thông đường bộ <i>Enclosures of the electrical equipment of road vehicles</i>	Thử nghiệm cấp bảo vệ chống sự xâm nhập của nước <i>Degree of protection against water test</i>	D < 1000 mm Trọng lượng/ <i>Weight:</i> 200 kg IPX1, IPX2, IPX3, IPX4, IPX5, IPX6, IPX7, IPX8 IPX4K, IPX6K, IPX9K	ISO 20653:2023

Ghi chú/ Notes:- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*

Trường hợp Công ty TNHH IMV Techno Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH IMV Techno Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the IMV Techno Vietnam Co., LTD that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*